

QUẢN LÝ ĐÀO TẠO NGHỀ THEO HƯỚNG ĐÁP ỨNG NHU CẦU XÃ HỘI

ThS. NGUYỄN THỊ HẰNG

Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật Công nghệ TP. Hồ Chí Minh

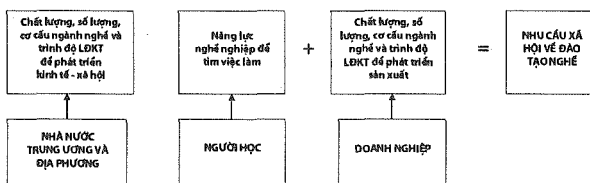
1. Một số khái niệm

a) Nhu cầu xã hội về đào tạo nghề

Hiện nay, có nhiều cách hiểu khác nhau về nhu cầu của xã hội đối với đào tạo nghề. Tuy nhiên, với phương pháp tiếp cận thị trường, hệ thống đào tạo nghề nói chung và của cơ sở đào tạo nghề (CSĐTĐN) nói riêng có các loại khách hàng chủ yếu sau đây: Nhà nước Trung ương và địa phương – quản lý và là chủ đầu tư chủ yếu cho đào tạo, người học – người hưởng thụ trực tiếp dịch vụ đào tạo và doanh nghiệp (DN) – người sử dụng sản phẩm của đào tạo.

Nhà nước Trung ương và địa phương, hàng năm đầu tư cho các CSĐTĐN với nhu cầu là có được một đội ngũ lao động kĩ thuật (LĐKT) có chất lượng, đồng bộ về cơ cấu ngành nghề và trình độ để phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước cũng như cho từng vùng, từng địa phương; Người học – thanh thiếu niên và người lao động, chỉ trả một phần chi phí đào tạo để có được những năng lực nghề nghiệp cần thiết, để có cơ hội tìm được việc làm; DN, đóng thuế hoặc góp phần chi trả một phần chi phí đào tạo để có được những đội ngũ LĐKT có chất lượng, đồng bộ về cơ cấu ngành nghề và trình độ phù hợp với yêu cầu phát triển sản xuất/dịch vụ của DN. Như vậy, nhu cầu của xã hội về đào tạo nghề là nhu cầu tổng hợp của cả ba loại khách hàng chủ yếu nêu trên.

Hình 1: Nhu cầu xã hội về đào tạo nghề



b) Đào tạo nghề đáp ứng nhu cầu xã hội

Để đào tạo nghề đáp ứng nhu cầu xã hội, các CSĐTĐN cần thỏa mãn nhu cầu của các loại khách hàng trên các mặt: chất lượng, số lượng, cơ cấu ngành nghề và trình độ đào tạo LĐKT. Nhìn riêng rẽ thì mỗi loại khách hàng có những nhu cầu khác nhau đối với các CSĐTĐN. Tuy nhiên, nhìn một cách tổng thể thì nhu cầu về chất lượng đào tạo, số lượng, cơ cấu ngành nghề và trình độ đào tạo của cả ba loại khách hàng nêu trên đều thống nhất với nhau trên cơ sở quy luật cung - cầu của thị trường LĐKT. Chất lượng, số lượng và cơ cấu LĐKT mà Nhà nước đòi hỏi ở các CSĐTĐN là nhằm mục

đích đáp ứng được yêu cầu sử dụng LĐKT của các DN để phát triển sản xuất và thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Chất lượng đào tạo mà người học yêu cầu đối với CSĐTĐN cũng chỉ nhằm thỏa mãn nhu cầu về chất lượng của các DN để họ có cơ hội tìm được việc làm. Như vậy, thực chất cả ba loại khách hàng nêu trên đều có chung một yêu cầu về chất lượng đào tạo cũng như về số lượng, cơ cấu ngành nghề và trình độ đào tạo, và yêu cầu này phải được xuất phát từ nhu cầu LĐKT của các DN trong cơ chế thị trường. Nếu CSĐTĐN không thỏa mãn được nhu cầu của các DN, có nghĩa là cũng sẽ không thỏa mãn được nhu cầu của Nhà nước và của người học. Do vậy, mối quan hệ giữa CSĐTĐN và DN có một ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc đào tạo nghề đáp ứng nhu cầu xã hội.

c) Quản lý đào tạo nghề theo hướng đáp ứng nhu cầu xã hội

Từ những khái niệm nêu trên, khái niệm quản lý đào tạo nghề theo hướng đáp ứng nhu cầu xã hội được hiểu như sau: *Quản lý đào tạo nghề theo hướng đáp ứng nhu cầu xã hội là quá trình tác động có mục đích, có kế hoạch và hợp với quy luật của chủ thể quản lý lên khách thể quản lý nhằm đảm bảo được quy luật cung - cầu trong quá trình đào tạo LĐKT.*

2. Đào tạo nghề trong cơ chế thị trường

- Đào tạo nghề với thị trường lao động (TTLĐ):

Trong nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung, hàng năm, Nhà nước phân chỉ tiêu đào tạo cho các CSĐTĐN và các trường tuyển sinh đào tạo theo chỉ tiêu được Nhà nước giao hàng năm. Học sinh tốt nghiệp đều được phân công công tác theo kế hoạch Nhà nước định sẵn. Bước sang cơ chế thị trường, quản lý nhà trường theo cơ chế kế hoạch hoá tập trung không còn phù hợp và trường dạy nghề cần chuyển đổi sang hoạt động theo cơ chế thị trường.

- *Các quy luật cơ bản của TTLĐ:* TTLĐ có những nét rất đặc thù, tuy nhiên nó cũng phải tuân theo những quy luật tất yếu của thị trường:

+ *Quy luật cung - cầu:* Cũng như mọi loại thị trường, TTLĐ cũng phải hoạt động theo quy luật cung - cầu. Khi cung lao động đáp ứng được cầu về lao động thì TTLĐ được cân bằng và phát triển. Nếu cung lao động vượt quá cầu tới một mức độ nào đó thì thị trường trở nên "khủng hoảng thừa" và một bộ phận lao động không tìm được việc làm hoặc bị mất việc làm và thất nghiệp. Ngược lại, nếu cầu về lao động vượt quá cung tới một mức độ nào đó thì TTLĐ bị "khủng hoảng thiếu" và sản



xuất không phát triển được;

+ *Quy luật giá trị*: Chất lượng là sự sống còn của mọi tổ chức trong cơ chế thị trường. Khác với thời kì bao cấp trước đây, trong cơ chế thị trường, những người lao động được đào tạo với chất lượng thấp sẽ ít có cơ hội để tìm được việc làm. Mặt khác, muốn đào tạo với chất lượng cao cần có đầu tư thích đáng;

+ *Quy luật cạnh tranh*: Trong cơ chế thị trường, các DN phải cạnh tranh để tồn tại và phát triển. Những CSĐTĐN đào tạo với chất lượng thấp sẽ ít có người đến học và ít DN đặt hàng đào tạo và sẽ bị đào thải. Người được đào tạo với chất lượng thấp sẽ ít có cơ hội tìm được việc làm. Do vậy, đào tạo với chất lượng cao là điều kiện thiết yếu để các CSĐT có thể đủ sức cạnh tranh trong cơ chế thị trường và trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

- *Chất lượng đào tạo nghề trong cơ chế thị trường*: Chất lượng đào tạo thường được hiểu với nhiều khái niệm khác nhau và đánh giá chất lượng đào tạo, là một vấn đề phức tạp, khó khăn. Tuy nhiên, theo quy luật cung - cầu trong cơ chế thị trường: *"Chất lượng được hiểu với khái niệm là đáp ứng được yêu cầu của khách hàng"*. Trong nền kinh tế thị trường nhiều thành phần ở nước ta, đào tạo có nhiều loại khách hàng: Nhà nước, các DN trung ương, DN địa phương, các công ty nước ngoài, v.v.... Do vậy, CSĐTĐN cần đáp ứng cho nhu cầu của các loại khách hàng khác nhau nói trên. Nói cách khác, đào tạo cần hết sức mềm dẻo, linh hoạt, có độ thích ứng cao, cần *đào tạo với nhiều mức độ chất lượng khác nhau để đáp ứng cho yêu cầu của nhiều loại khách hàng khác nhau*. Tuy nhiên, tùy thuộc vào sứ mệnh của từng loại hình và trình độ đào tạo của các CSĐTĐN, khách hàng được sắp xếp với các thứ tự ưu tiên khác nhau.

3. Mối liên kết giữa CSĐTĐN và DN - tiền đề quan trọng để đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội

Mối quan hệ này đã được Đảng ta nêu lên trong Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VII: "Xây dựng quan hệ chặt chẽ giữa các cơ quan quản lí nhà nước về giáo dục, đào tạo với các cơ quan quản lí nhân lực và việc làm, giữa cơ sở đào tạo với cơ sở sử dụng nhân lực." Mối liên kết giữa trường dạy nghề và DN được hình thành trong cơ chế thị trường với các luận điểm sau:

- *CSĐTĐN và DN là hai thành tố của TTLĐ*: Trong cơ chế thị trường, trường dạy nghề và DN cùng tham gia vào thị trường và là hai thành tố của TTLĐ. Trường dạy nghề với tư cách là bên cung LĐKT và DN là bên cầu và sử dụng LĐKT do CSĐTĐN cung cấp. Đào tạo và sử dụng nhân lực có mối quan hệ gắn bó hữu cơ với nhau. Trước hết, đó là quan hệ *cung - cầu*. Do vậy, hai bên phải cùng phối hợp với nhau để điều tiết, không để khủng hoảng thừa hoặc khủng hoảng thiếu xảy ra,

mặt khác cùng nhau giữ cho TTLĐ được cân bằng và phát triển.

- *Mục đích của mối liên kết giữa trường dạy nghề và DN*: Thiết lập mối quan hệ giữa trường dạy nghề và DN nhằm mục đích sau đây:

+ *Với nhà trường*: (1) Biết được nhu cầu thực về nhân lực để hoạch định được các kế hoạch đào tạo và tuyển sinh hàng năm vào các ngành nghề và trình độ phù hợp với nhu cầu của sản xuất, của TTLĐ. (2) Có thông tin phản hồi về sự phù hợp của các chương trình đào tạo, những nội dung cần bổ sung hoặc cần thay đổi để kịp thời cải tiến cho phù hợp với yêu cầu của sản xuất, của TTLĐ;

+ *Với DN*: (1) Biết được những thông tin đầy đủ về tiềm năng đào tạo của nhà trường, về ngành nghề, các cấp trình độ cùng như những chương trình đào tạo mà nhà trường có thể cung cấp nhân lực cho các cơ sở sản xuất để đặt hàng cho các trường. (2) Giúp các DN có cơ hội tuyển chọn được những người lao động phù hợp với yêu cầu của mình;

+ *Với người học*: (1) Được hướng nghiệp và tư vấn nghề, giúp học sinh chọn được nghề phù hợp với nhu cầu xã hội cùng như năng lực bản thân để học. (2) Giúp học sinh tốt nghiệp có nhiều cơ hội để tìm được việc làm.

- *Mối liên kết giữa CSĐTĐN và DN mang lại lợi ích cho cả đôi bên*: Mối quan hệ này còn là mối quan hệ *nhân - quả*, bên nọ tạo thuận lợi và kích thích cho bên kia phát triển để cùng nhau làm phát triển TTLĐ.

4. Quản lí đào tạo nghề theo hướng đáp ứng nhu cầu xã hội

- *Quản lí phát triển chương trình theo cách tiếp cận đáp ứng nhu cầu xã hội*

Để quản lí phát triển chương trình đào tạo theo cách tiếp cận đáp ứng nhu cầu xã hội cần quan tâm đến hai phương diện: nội dung và cấu trúc của chương trình đào tạo.

+ *Về nội dung chương trình*: Nội dung chương trình đào tạo cần được lựa chọn là những cái mà xã hội cần chứ không phải cái nhà trường có mà xã hội không cần. Chương trình là thể hiện cụ thể của mục tiêu đào tạo. Với phương pháp tiếp cận mục tiêu trong đào tạo nghề, ngày nay ở nhiều nước trên thế giới đang xây dựng nội dung chương trình theo "năng lực thực hiện". Nội dung chương trình là tập hợp bộ ba: "Kiến thức - Kỹ năng - Thái độ" cần thiết để có thể thực hiện được mọi công việc của nghề đạt chuẩn quy định ở vị trí lao động mà DN đòi hỏi.

+ *Về cấu trúc chương trình*: Để đào tạo đáp ứng được nhu cầu DN và của người học, chương trình cần được cấu trúc theo mô đun tích hợp giữa lí thuyết và thực hành, liên thông giữa các trình độ đào tạo để một mặt đáp ứng được nhu cầu rất đa dạng của các DN,

đồng thời để người học có thể cần gì học nấy, học suốt đời, không ngừng nâng cao trình độ hoặc chuyển đổi nghề mà không phải học lại những điều đã học.

- *Quản lý các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo*

+ *Quản lý phát triển đội ngũ giáo viên*: Để đào tạo theo học chế tín chỉ với phương thức đào tạo theo mô đun kỹ năng hành nghề, một vấn đề quan trọng là phải có đội ngũ giáo viên am hiểu về phương thức đào tạo này. Do vậy, đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ giáo viên là một nhiệm vụ quan trọng của trường dạy nghề khi chuyển đổi phương thức đào tạo. Với phương thức đào tạo này, ở trường dạy nghề sẽ không còn giáo viên dạy lý thuyết và giáo viên dạy thực hành riêng rẽ mà chỉ có một loại giáo viên vừa dạy lý thuyết vừa dạy thực hành để có thể dạy học theo năng lực thực hiện, tích hợp giữa lý thuyết và thực hành nghề;

+ *Quản lý cơ sở vật chất và phương tiện kỹ thuật dạy học*: Dạy nghề chủ yếu là dạy thực hành, do vậy, cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học có một ý nghĩa quan trọng trong đào tạo nghề. Để đào tạo theo năng lực hành nghề, phải có đầy đủ cơ sở vật chất và phương tiện kỹ thuật dạy học để có thể dạy học sinh thực hiện thành thạo các công việc của nghề. Các phương tiện kỹ thuật phải có đầy đủ về số lượng, chủng loại và có chất lượng không lạc hậu so với các thiết bị được dùng trong sản xuất thì chất lượng đào tạo mới có thể đáp ứng được yêu cầu của các DN.

Tuy nhiên, trường dạy nghề thường có tính ổn định, trong khi DN rất năng động, các công nghệ và phương tiện sản xuất thường xuyên đổi mới để cạnh tranh. Mặt khác, một nguyên tắc của dạy nghề là học sinh được học tập trong điều kiện càng giống với môi trường sản xuất thực tế càng tốt. Bởi vậy, sự liên kết giữa CSĐT và DN trong đào tạo nghề là điều rất cần thiết. Cũng vì vậy, các mô hình đào tạo liên kết đã ra đời.

- *Quản lý quá trình đào tạo*

Để đào tạo nghề đáp ứng được nhu cầu các DN cần quan tâm đến các vấn đề sau đây:

+ *Tổ chức đào tạo nghề theo việc làm ở các vị trí lao động mà các DN yêu cầu*. Khác với phương thức đào tạo theo niên chế với kế hoạch dạy học cứng nhắc hiện nay, đào tạo nghề trong cơ chế thị trường phải mềm dẻo, linh hoạt để một mặt đáp ứng được yêu cầu LĐT của DN, mặt khác để người học có cơ hội tìm được việc làm và không phải học quá nhiều điều chưa cần thiết. Để làm được điều này, các trường DN phải tổ chức đào tạo theo các "mô đun kỹ năng hành nghề" để bám sát nhu cầu về LĐT của các DN;

+ *Tổ chức đào tạo theo học chế tín chỉ* để khi học xong, người học có thể xin việc và DN có thể sử dụng LĐT theo yêu cầu của họ, mặt khác khi cần thiết, người học có thể học tiếp để nâng cao trình độ hoặc đổi nghề mà không phải học lại những điều đã học;

+ *Liên kết với các DN trong việc tổ chức quá trình đào tạo*: Với sự tham gia của các DN trong quá trình đào tạo sẽ nâng cao được chất lượng hiệu quả đào tạo, đồng thời đáp ứng tốt hơn nhu cầu về nhân lực cho các DN.

- *Quản lý đầu ra*

+ *Quản lý việc đánh giá kết quả học tập của học sinh theo tiếp cận năng lực thực hiện các công việc của nghề đạt chuẩn công nghiệp theo yêu cầu của các DN*;

+ *Liên kết với các DN trong việc đánh giá tốt nghiệp của học sinh sau khi học xong các khóa đào tạo*;

+ *Tư vấn nghề và giới thiệu việc làm cho học sinh tốt nghiệp để các em có nhiều cơ hội tìm được việc làm và nâng cao hiệu quả đào tạo của trường*.

5. Kết luận

Nước ta đang chuyển đổi nền kinh tế từ cơ chế kế hoạch hoá tập trung quan liêu bao cấp sang cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Do vậy, giáo dục và đào tạo cũng cần có những đổi mới để chuyển đổi theo. Một trong những đổi mới quan trọng là đào tạo phải hướng tới đáp ứng nhu cầu của xã hội. Bài viết đã đề cập đến một số vấn đề cơ sở lý luận về quản lý đào tạo nghề theo hướng đáp ứng nhu cầu xã hội bao gồm: các khái niệm, đào tạo nghề trong cơ chế thị trường, đào tạo nghề theo hướng đáp ứng nhu cầu xã hội, nội dung quản lý đào tạo nghề theo hướng đáp ứng nhu cầu xã hội với mong muốn để các CSĐT có thể tham khảo và vận dụng linh hoạt vào công tác quản lý đào tạo nhằm góp phần phát triển bền vững nhà trường.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Minh Đường – Phan Văn Kha, *Đào tạo nhân lực đáp ứng nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường, toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2006.
2. Bành Tiến Long, *Đào tạo theo nhu cầu xã hội ở Việt Nam, thực trạng và giải pháp*, Tạp chí Khoa học Giáo dục, số 17, tháng 2/2007.
3. Bruce Markenzie, *Designing a Competency – Based Training*, Homes Glen College TAFE, Australia, 1995.
4. Richard Noonan, *Managing TVET to meet labor Market Demand*, Stockholm, Sweden, 1998.

SUMMARY

The article introduces the rationales for management of vocational training in a way which meets society's demands, including concepts, vocational training in market mechanism, vocational training to meet society's demands; substance of vocational training in a way which meets society's demands.